kě qǔ

可取

adjective · commendable, worth adopting

Example Sentences

Zhè ge fāng fǎ hěn kě qǔ
这个方法很可取。

This method is very commendable.

Suī rán fāng àn bù wán měi dàn qí zhōng yǒu xiē xiǎng fǎ shì kě qǔ de
虽然方案不完美，但其中有些想法是可取的。

Although the plan is not perfect, some ideas in it are worth adopting.

Tā de jiàn yì yǒu kě qǔ zhī chù
他的建议有可取之处。

His suggestion has some merit.

Trace each character, then write the word on your own.

可 可 可 可 可 可 可 可

取 取 取 取 取 取 取 取 取 取 取